TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 10/9/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Nguyễn Ngọc Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 10/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-DS ngày 24/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/02/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thời gian tìm hiểu ít, chưa hiểu hết về nhau nên khi về chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Thời gian chị mang thai anh không quan tâm đến

chị, chuẩn bị sinh chị gọi điện cho anh L về. Anh L về được 3 tháng vợ chồng lại cãi nhau. Hai bên gia đình đã giàn xếp nhưng không được. Anh L vào Nam làm ăn, thi thoảng anh vẫn gọi điện về cho chị nhưng vợ chồng lại cãi nhau trên điện thoại. Chị và anh L sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 02/2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị không có thai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh L.

Về con: Chị và anh L có 1 con chung Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2015 đang ở với chị. Nguyện vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Nguyễn Ngọc L:* Ngày 13/4/2018 Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án số 76/TB-TLVA ngày 11 tháng 4 năm 2018 và giấy triệu tập của Tòa án cho anh nhưng anh không có nhà nên gia đình anh đã nhận thay. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà Nguyễn Thị T2 (mẹ đẻ anh L) đã trực tiếp gọi điện thoại thông báo cho con là Nguyễn Ngọc L biết. Anh L có trao đổi với bà như sau: Về hôn nhân anh L xin được đoàn tụ, nếu phải ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; nếu chị T xin nuôi con, anh không cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại gia đình, bà Nguyễn Thị T2 cho biết: Chị T và anh L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, được 2 bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới được 1 tháng anh L và chị T vào Nam làm ăn. Quá trình làm ăn trong Nam, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị T điện thoại về cho bà nói nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên đi uống rượu, chị nói nhưng không được, bà T2 đã điện vào khuyên ngăn anh L. Sau khi mâu thuẫn, chị T bỏ đi Sài Gòn 2 tháng sau đó về nhà chồng sinh sống cho đến khi sinh con. Khi chị sinh, anh L có về ở nhà được 3 tháng, rồi lại tiếp tục vào Nam làm ăn, tháng 02/2016 chị T đưa con về ngoại ở đến nay. Nguyện vọng của gia đình cũng mong muốn các cháu đoàn tụ. Về con: Anh, chị có 1 con chung đang ở với chị T, anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản và công nợ: Bà được biết anh, chị không có gì.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự chị Trang thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Đối với anh Linh chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

trong quá trình xây dựng hồ sơ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh L vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L; giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề nghị xem xét. Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Quá trình giải quyết vụ án, anh L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc L có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, lối sống của 2 bên không hợp, khi mâu thuẫn thì mỗi người một nơi, không nổ lực để hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 02 năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin được ly hôn anh L. Về phía anh L xin đoàn tụ, nhưng anh lại không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Con chung*: Chị T và anh L có 1 con chung là Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2015, tại thời điểm chị T xin ly hôn, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở với chị T. Nguyện vọng của anh, chị đều xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy việc xin nuôi con của 2 bên đương sự là chính đáng, xong cháu Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản và nợ chung: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T khởi kiện vụ án xin ly hôn và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo nghị quyết:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

[2] Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 03/11/2015. Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006623 ngày 11/4/2018. Chấp nhận chị T đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình